

Bản án số: 343/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Kim Anh;

2/ Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Thành S, sinh ngày: 08/5/1985 (CCCD số: 079085023366). Địa chỉ thường trú: 1 C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh ngày: 04/02/1980 (CCCD số: 079180030078). Địa chỉ thường trú: 15/368 Đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 21 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý Thành S trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thu H có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau. Đến năm 2006, cả hai tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 13/03/2006. Ông và bà Lê Thị Thu H chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn

là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn. Ông và bà Lê Thị Thu H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

Về con chung: ông và bà Lê Thị Thu H có 02 (hai) con chung tên Lý Thành Đ, sinh ngày 10/02/2007 (đã thành niên) và Lý Ngọc Trà G, sinh ngày 01/10/2011. Trẻ Lý Ngọc Trà G hiện đang sống chung với bà Lê Thị Thu H, nên ông đề nghị giao trẻ Lý Ngọc Trà G cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Lý Ngọc Trà G mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Lê Thị Thu H: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn bà Lê Thị Thu H tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bị đơn đã vắng mặt không có lý do, cũng không gửi ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lý Thành S.

Tại phiên tòa: Ông Lý Thành S có đơn xin vắng mặt; bà Lê Thị Thu H vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông S và bà H là hợp pháp. Xét thấy, mâu thuẫn của ông S, bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lý Thành S đối với bà Lê Thị Thu H.

+ Về con chung: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H có 02 (hai) con chung tên Lý Thành Đ, sinh ngày 10/02/2007 (đã thành niên) và Lý Ngọc Trà G, sinh ngày 01/10/2011. Trẻ Lý Ngọc Trà G hiện đang sống ổn định với bà Lê Thị Thu H, nên ông đề nghị giao trẻ Lý Ngọc Trà G cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi cho trẻ nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Lý Ngọc Trà G mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm ông Lý Thành S yêu cầu ly hôn, bà Lê Thị Thu H có nơi cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn ông Lý Thành S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 13/03/2006 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông S và bà H là hợp pháp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà Lê Thị Thu H tự nguyện tiến tới hôn nhân. Theo trình bày của ông S thì sau khi kết hôn ông và bà Lê Thị Thu H chung sống hạnh phúc đến 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông và bà Lê Thị Thu H không còn sống chung, không còn quan tâm gì đến nhau, ông S nhận thấy tình cảm giữa ông và bà H không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Qua xác minh thì bà Lê Thị Thu H hiện vẫn đang cư trú tại địa phương, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bà đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, nhưng bà đã vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử vụ án và cũng không gửi đến Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông S. Tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành ông S vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà H. Cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông S là trầm trọng, bà H không còn quan tâm đến ông S cũng như không quan tâm đến cuộc hôn nhân của ông bà. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lý Thành S đối với bà Lê Thị Thu H.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H có 02 (hai) con chung tên Lý Thành Đ, sinh ngày 10/02/2007 (đã thành niên) và Lý Ngọc Trà G, sinh ngày 01/10/2011. Trẻ Lý Ngọc Trà G hiện đang sống ổn định với bà Lê Thị Thu H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông S, giao trẻ Lý Ngọc Trà G cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi cho trẻ G. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Lý Ngọc Trà G mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

[3.3] Về tài sản chung: ông Lý Thành S không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung: ông S khai không có nên không xem xét.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Thành S phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thành S về việc xin ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Thành S được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 13/03/2006 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H có 02 (hai) con chung tên Lý Thành Đ, sinh ngày 10/02/2007 (đã thành niên) và Lý Ngọc Trà G, sinh ngày 01/10/2011. Giao trẻ Lý Ngọc Trà G, sinh ngày 01/10/2011 cho bà Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Thành S về việc cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Lý Ngọc Trà G mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), việc cấp dưỡng được thực

hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/3/2026 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà H khi ông S, bà H hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà H có quyền yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông S cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lý Thành S và bà Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Lý Thành S xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lý Thành S phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông S đã nộp theo biên lai thu số 0024539 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Lý Thành S đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- THA DS TPHCM;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hạnh